

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 39

Hỏi: Đấng Giác Vương dạy rõ, Đại giáo chỉ quy, Tỳ-kheo ở thời mạt pháp phải tu đạo Tứ niệm xứ, yếu chỉ đó thế nào?

Đáp: Đây là rút từ kinh Đại Niết-bàn chỉ dạy sau cùng. Bao gồm các giáo tích trước đồng với chỉ quy đây. Vì Tứ niệm xứ tức là như Tông Kính nói rõ về thân, thọ, tâm, pháp. Như trong kinh nói: Phật bảo A-nan: “Như điều ông hỏi sau khi Phật nhập Niết-bàn, nên nương tựa đâu mà trú? A-nan! Nương tựa Tứ niệm xứ nghiêm thân mà trú, quán thân tánh tướng đồng như hư không, gọi là Thân niệm xứ. Quán thọ chẳng tại trong ngoài chẳng tại trung gian, gọi là Thọ niệm xứ. Quán tâm chỉ có danh tự, tánh danh tự lìa, gọi là Tâm niệm xứ. Quán tâm chẳng được pháp thiện chẳng được pháp bất thiện, gọi là Pháp niệm xứ. A-nan! Tất cả hành giả nên phải nương tựa Tứ niệm xứ đây mà trú”. Lại nói: “Thí như Quốc vương an trú tại nước mình thân tâm an lạc, nếu ở nước khác thì bị các thứ khổ, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, nếu năng tự trú cảnh giới chính mình thì được an lạc, nếu đến cõi khác thì gặp ác ma, chịu các khổ não. Cảnh giới chính mình là Tứ niệm xứ. Cảnh giới khác tức là năm món dục vậy”. Trong kinh Hoa Thủ nói: “Phật bảo: Bạt-đà-bà-la! Đến thời thế đó, tất cả thiện nhân nên niệm tưởng rằng: “Chúng ta phải tự nương tựa Tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ tức là ở trong Thánh pháp, tất cả các pháp đều gọi là niệm xứ”. Tại sao? Tất cả các pháp thường trú tự tánh không năng hoại vậy. Tất cả các pháp đều gọi là niệm xứ nên biết tức pháp là tâm, tức tâm là pháp đều đồng một tánh, đâu năng hoại ư? Nếu có hai pháp thì năng hoại nhau.” Trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng nói:

*“Đắc nơi không động là,  
Thường trú nơi không xứ.”*

Nói không động là cảnh giới tự tâm, cảnh giới đó tức không xứ sở. Như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Tâm không ngăn mé, chẳng thấy xứ sở”. Trong Luận Thích nói: “Tâm không ngăn mé là về nguồn

nhất tâm, tâm thể khắp cùng, khắp mười phương nên không ngăn, khắp ba đời nên không mé. Tuy khắp ba đời mà không khác của xưa nay, tuy khắp mười phương mà không nói của đây kia, nên nói chẳng thấy xứ sở.” Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: “Phàm, niệm xứ. Thế nào nghĩa là niệm? Phải biết là niệm không có nghịch tranh, tùy thuận như pháp hướng đến Bồ-đề, đạt lia tà niệm không có chuyển dời và các khác biệt, chỉ là một tâm vào định chẳng động. Nếu năng như vậy, gọi là nghĩa niệm”. Như Đại sư Trí Giả ở Thiên thai thuật rộng chân giải thích, Đại Tiểu đều xiển dương, giáo quán đều biện giải, sau cùng chỉ nói chương luận quán tâm, ý cũng như vậy, cũng như Tổ sư Bồ-tát Mã Minh rộng giải thích kinh tạo luận, cuối cùng chỉ chế một quyển Lược Luận, gọi là luận Đại Thừa Khởi Tín nói rằng: Có Ma-ha-diễn năng khởi tín căn Đại thừa, lập hai môn tâm chân như và tâm sinh diệt, tổng mở nhất tâm, biệt bày thể dụng. Nếu rõ đại chỉ nhất tâm đây tức là khởi tín căn Đại thừa của tất cả chúng sinh. Nếu người chưa tin, giả sử trải qua vô lượng ức kiếp tu hành rộng lớn vẫn chẳng vào chánh tông của Phật tổ, đều là Bồ-tát giả danh, chỉ yếu nghĩa của một luận đây gồm nhiếp văn rộng của các bộ, đem nguồn gom dòng, có gì chẳng hết, cũng là đại ý của các Thánh chế tác, cũng là bản hoài của Tông Kính, là chỗ biết của chư Phật là sở chứng của các bậc hiền, đầy đủ các đức muôn hạnh rộng sâu, Diệu nghĩa giải bày rớt ráo chỗ hướng đến. Tứ niệm xứ đây phá tám điên đảo: Một là, trong Bất tịnh làm tịnh tưởng, hai là, trong khổ làm lạc tưởng, ba là, trong vô thường làm thường tưởng, bốn là, trong vô ngã làm ngã tưởng. Đó là bốn đảo của phàm phu ngoại đạo. Lại nữa: Một là, trong tịnh làm bất tịnh tưởng, hai là, trong lạc làm khổ tưởng, ba là, trong thường làm vô thường tưởng, bốn là, trong ngã làm vô ngã tưởng, đó là bốn đảo của hàng Nhị thừa, cộng thành tám đảo. Vì vậy tu quán Tứ niệm xứ phá tám điên đảo, ở trong đó mà nhập Niết-bàn, là bản hoài của mười phương chư Phật xuất hiện nơi đời, rớt ráo chỉ quy trong tạng Bí mật, sau cùng buông nơi xả thân mạng, chánh đáng nói pháp môn nhất tâm; đại chỉ của Tông Kính.

Trong Phụ Hành Ký nói: “Tứ niệm xứ quán là mỗi mỗi niệm xứ thấy đều trước nói rõ về không và giả để phá đảo, tiếp dùng Trung đạo để kết thành Bí tạng, tự tha đều đủ, nghĩa bao gồm đại tiểu. Nói đều phá là đã dùng Trung đạo hiển bày Bí mật tạng, nên Tứ niệm xứ thấy đều phá đảo. Tại sao? Vì tức không nên phá thường đảo, nghĩa gồm ở tiểu, vì tức giả nên phá vô thường đảo, nghĩa gần ở đại. Trung đạo làm chánh nên nói nghĩa gồm cả đại tiểu. Vì tức Trung nên song chiếu đại

tiểu song chẳng phải đại tiểu. Tức là song chiếu song phá tám đảo. Ba đế tương tức, gồm không trước sau, phá không thứ lớp, tức phá tức lập tức chiếu tức ngăn. Bốn tươi bốn héo là trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phương Đông song là dụ cho thường và vô thường. Phương Nam song là dụ cho lạc và không lạc, phương Tây song là dụ cho ngã và vô ngã, phương Bắc song là dụ cho tịnh và bất tịnh. Bốn phương mỗi song, nên gọi là song thọ, phương diện thấy đều một héo một tươi, tươi dụ cho thường v.v... héo dụ cho vô thường v.v... Đức Như Lai ở trong, đầu xoay về hướng Bắc mà nằm nhập Niết-bàn, biểu thị chẳng phải héo chẳng phải tươi. Tươi tức biểu thị giả, khô tức biểu thị không, tức là ở không giả và khoảng giữa đó mà vào Bí tạng. Trong kinh Hậu Phân nói: “Một cặp ở phương Đông tại sau lưng Phật, một cặp ở phương Tây tại trước mặt Phật, một cặp ở phương Nam tại dưới chân Phật, một cặp ở phương Bắc tại trên đầu Phật. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn rồi, hai cặp ở phương Đông và Tây hợp làm một cây, hai cặp ở phương Nam và Bắc cũng hợp làm một. Hai hợp thấy đều phủ che Đức Như Lai, cây đó buồn thảm đều biến thành sắc trắng. Thường và vô thường v.v... hai tức chẳng hai, vì thường, lạc, ngã, tịnh phủ khắp pháp giới vậy. Hai hợp phủ che Đức Như Lai tức là Như Lai kế hợp nơi Bí tạng, cũng niệm xứ, không gì chẳng phải tịch diệt, sắc trắng tức là gốc của các màu sắc. Thường v.v... xứng gốc, nên gọi là biến thành sắc trắng. Nói đầu xoay về hướng Bắc, là trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Tiêu biểu Phật pháp trú lâu ở phương Bắc”. Kinh thứ tư trong Trường A-hàm nói: “Phật bảo A-nan: “An đặt đầu ta ở phương Nam, xoay đầu mặt vì hướng Bắc thì khiến Phật pháp trú lâu chẳng diệt”. Huống gì Niết-bàn rốt cùng chẳng tiêu biểu Bí tạng ư? Nhưng giáo môn của một đời Đức Phật có các thứ tiêu biểu, mà văn nghĩa hiển bày không gì vượt qua song thọ. Vì Tứ niệm xứ quán năng làm môn quán hạnh đầu tiên của Đại tiểu, cho nên như vậy, ân cần di chúc, ý tại nơi đây. Lại nữa, chỉ hàng phàm phu cho rằng: Thân là tịnh, nói thọ là lạc, chấp tâm là thường, tính pháp là ngã, do bốn đảo đó mà khởi tham ái vô minh mà có các hành cho đến lão tử, khổ tập miên man, tám vạn bốn ngàn lửa phiền não thiêu đốt vườn nhà năm uẩn. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: “Bốn phía đồng thời lửa dữ bốc cháy” tức là dụ cho bốn đảo. Nếu người tu Tiểu thừa quán tức quán thân bất tịnh để phá điên đảo tịnh, quán thọ là khổ để phá điên đảo lạc, quán tâm vô thường để phá điên đảo thường, quán pháp vô ngã để phá điên đảo ngã. Vậy thì do trước mê tâm điên đảo cho rằng: Thân là thường, lạc, ngã, tịnh mà khởi các thứ phiền não tham ái, nay đã quán biết

thân là bất tịnh cho đến khổ vô thường vô ngã thì chẳng khởi tham ái vô minh, hành thức cho đến lão tử diệt thì sông sinh tử nghiêng đổ đầy biển Niết-bàn, tức là tranh đua cùng xô đẩy xen nhau ra khỏi nhà lửa đến nơi không còn lo sợ, đó là nhân duyên khuyên người làm hạnh nhỏ, khiến nương tựa niệm xứ tu đạo vậy. Tứ niệm xứ theo Đại thừa là quán thân năm uẩn sinh tử chẳng phải tươi chẳng phải héo tức là đại tịch tịnh. Trong kinh Niết-bàn nói: “Sắc giải thoát Niết-bàn cho đến thức giải thoát Niết-bàn, nếu tu niệm xứ quán đây tức là quán tất cả chúng sinh trong sáu đường, tức là Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh đầy đủ sự thấy biết của Phật. Như Thường Bất Khinh Bồ-tát viên mãn tín thành tựu. Trong kinh nói: “Thí cho người xin ăn thấp hèn nhất trong thành và cúng dường Đức Nan Thắng Như Lai, công đức đó đồng nhau”. Vậy thì đâu thể phân biệt là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, có thể thí hay chẳng thể thí ư? Nên niệm xứ quán tức hạt giống bình đẳng. Nếu chẳng tu thì thấy sinh tử và Niết-bàn có khác, phàm thánh có sai Thánh là ruộng phước cung kính tức sùng ngưỡng mà thí. Phàm là ruộng phước giúp thương (bi) thì chán hèn mà chẳng xả. Nếu vào pháp môn nhất tâm bình đẳng pháp giới niệm xứ thì không phân biệt. Phàm Tứ niệm xứ, niệm tức là tâm quán tuệ, xứ tức là cảnh trí chiếu, năng sở ngầm hợp chỉ là nhất tâm. Nay y cứ Tứ niệm xứ quán của Thiên thai mà nói rõ Tứ niệm xứ trong bốn giáo. Bốn câu phân biệt là:

- Nếu chẳng phải khổ chẳng phải lạc, kết thành sinh diệt khổ lạc, cho đến chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, kết thành vô ngã, là ý của Tam Tạng.

- Nếu chẳng phải khổ chẳng phải lạc kết thành khổ lạc của không khổ không lạc, là nhiếp thuộc Thông giáo. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Năm thọ ấm thông đạt không không chỗ khởi là nghĩa của khổ”. Kết thọ niệm xứ quán, như bất tịnh quán nói trong Đại Phẩm tức là Ma-ha-diễn đều chẳng thể được vậy. Vì thế, tâm bất tịnh quán sắc, tự nghĩ thân ta là pháp chưa thoát, chưa khởi sinh trong ba cõi, còn phải chịu trăm ngàn sinh tử, nên nói là chưa thoát. Phẩm Dẫn Quảng Thừa nói thành Thân niệm xứ quán các pháp chẳng sinh chẳng diệt, là nghĩa vô thường, kết thành tâm niệm xứ quán. Đối với ngã và vô ngã mà chẳng hai, là nghĩa vô ngã, kết thành pháp niệm xứ quán, là ý của Thông giáo. Nếu làm chẳng phải thường chẳng phải vô thường kết thành thường, chẳng phải dơ chẳng phải sạch kết thành tịnh, chẳng phải khổ chẳng phải lạc kết thành lạc, chẳng phải ngã hay vô ngã kết thành ngã, tức ngã là thường, lạc, ngã, tịnh của Biệt giáo, đoạn hoặc trải qua riêng cầu chứng

vậy. Nếu làm chẳng phải dơ chẳng phải sạch song chiếu dơ sạch, chẳng phải khổ chẳng phải lạc song chiếu khổ lạc, chẳng phải thường chẳng phải vô thường song chiếu thường và vô thường, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã song chiếu ngã và vô ngã, kết thành viên tâm tu tập chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn của Viên giáo. Lại ba giáo Tạng, Thông, Biệt trước chẳng phải chỗ nay dùng, do đó chỉ lược nêu dẫn. Nay chú trọng về văn Tứ niệm xứ của Viên giáo hỗ trợ thành tin sau. Tứ niệm xứ quán nói: Tứ niệm xứ; Niệm là quán tuệ. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Niệm tướng trí đều là dị danh của một pháp, mới đầu ghi tâm gọi là niệm, tiếp đến Tập hành gọi là tướng, sau cùng hoàn thành gọi là trí. Xứ nghĩa là cảnh, đều chẳng lìa Tát-bà-nhã. Trí năng quán tuy chiếu mà thường tịch, gọi đó là niệm, cảnh sở quán tịch mà thường chiếu, gọi đó là xứ. Cảnh tịch trí cũng tịch, trí chiếu cảnh cũng chiếu, một tướng không tướng, không tướng một tướng, tức là thật tướng. Thật tướng tức là một Thập đế, cũng gọi là hư không Phật tánh, cũng gọi là Đại Bát-niết-bàn, cảnh trí như vậy không hai không khác, cảnh của Như Lai tức là trí của Như như, trí tức là cảnh, nói trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, cũng ví như nói là nói xứ và xứ trí đều gọi là sở đế, là cảnh của chẳng phải cảnh mà nói là cảnh, trí của chẳng phải trí mà gọi là trí, cũng gọi là Tâm tịch Tam-muội, cũng gọi là Sắc tịch Tam-muội, cũng gọi là Minh tâm Tam-muội, cũng gọi là Minh sắc Tam-muội. Trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Thân phóng ánh sáng đại trí như đốt núi vàng tía”. Kinh Đại Niết-bàn nói “Quang minh tức là trí tuệ”, kinh Kim Quang Minh nói: “Trí cảnh chẳng thể nghĩ bàn, trí chiếu chẳng thể nghĩ bàn”. Các kinh đó đều nói rõ niệm chỉ là xứ, xứ chỉ là niệm, sắc tâm không hai, hai mà chẳng hai, vì giáo hóa chúng sinh nên giả danh là hai thuyết vậy. Quán tuệ đây chỉ là quán tâm vô minh trong một niệm của chúng sinh. Tâm đây tức là pháp tánh, là nhân duyên sinh ra nên tức không tức giả tức trung. Một tâm ba tâm, ba tâm một tâm. Quán đây cũng gọi là Nhất thiết chủng trí, cảnh đây cũng gọi là một Viên đế, một đế ba đế, ba đế một đế. Chư Phật vì một Đại sự nhân duyên đây mà xuất hiện nơi đời, muốn khiến tất cả chúng sinh mở sự thấy biết của Phật, là việc chư Phật xuất hiện nơi đời đầy đủ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Vương đạo bình thân rộng lớn”. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Đi đường lớn ngay thẳng không bị các nạn vậy”. Kinh Pháp Hoa nói: “Đầy đủ đạo tuy nói ba trí kỳ thật chỉ một tâm, vì nói với mọi người khiến dễ hiểu nên nói làm ba”. Nếu làm lời nói dạy đạo, đoạn trừ các thứ phiền não như quạt thổi đại địa, sông biển đều phủ lấp, tựa như cây

lớn ngã, càn rỡ đều gãy, dùng trí đầy để đoạn hoặc cũng lại như vậy, Thông hay Biệt trần sa vô minh một lúc đều thanh tịnh. Vô lượng công đức các Ba-la-mật muôn hạnh pháp môn đầy đủ không giảm. Bí tạng Phật pháp thấy đều hiện tiền. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Các pháp tuy không, một tâm đầy đủ muôn hạnh”. Kinh Đại Niết-bàn nói: “Phát tâm và rốt ráo hai thứ chẳng riêng biệt.” Kinh Pháp Hoa nói: “Gốc ngọn rốt ráo v.v... nên gọi là đạo Diệu giác bình đẳng”. Phải biết tuệ đầy tức là nguồn của tâm linh pháp giới, là mẹ pháp Vô thượng của ba đời chư Phật, vì pháp thường nên chư Phật cũng thường, lạc ngã tịnh v.v... cũng lại như thế, cũng gọi là Bảo sở, cũng gọi là Bí tạng, nơi Phật và tất cả đồng kết quy. Ba tạng trước đường hẹp chẳng được đều đi, Thông giáo cũng vâng theo cùng đi cùng vào, vào chẳng thể sâu, Biệt giáo quanh co trải qua riêng biệt xa dài tức chẳng thể đạt. Nay, niệm xứ đây, rộng như hư không thoáng không ngăn mé, giống như dây thẳng thẳng vào biển tây nên gọi là Tứ niệm xứ của Viên giáo vậy. Trương Hành nói: “Ê và chim câu ngưỡng mặt mà chẳng kịp, hướng gì chim xanh và tước vàng, phải biết ba niệm xứ trước, chẳng thể kịp, chỉ niệm xứ Viên giáo riêng bay riêng xoay vần, vượt khỏi mặt trời, không trên không bằng không bằng bằng, dọc không gì cao hơn lọng, nên gọi là không trên, ngang không đồng lớp nên nói không bằng bằng, bằng so với mười phương ba đời chư Phật, nên nói là không bằng bằng vậy. Muốn nói lại nghĩa này nên lại dẫn luận Duy thức của Tôn giả Thiên Thân. Duy là một thức, lại có phân biệt thức và không phân biệt thức. Phân biệt thức là thức thức, không phân biệt là tự như bụi trần thức, như tất cả pháp giới có các thứ bình áo xe cộ v.v... đều là không phân biệt thức, Bồ-tát Long Thọ nói: “Tứ niệm xứ tức Ma-ha-diễn, Ma-ha-diễn tức tứ niệm xứ. Tất cả pháp hướng đến thân niệm xứ tức là một tánh, sắc được có phân biệt sắc và không phân biệt sắc. Phân biệt sắc là như nói Quang minh tức là trí tuệ ấy vậy. Không phân biệt sắc tức là sắc của pháp giới do tứ đại tạo thành, đều là không phân biệt v.v... là sắc tâm không hai, kia đã được tạo nên của hai thức, đây cũng làm thuyết của hai sắc. Nếu sắc tâm tương đối, lìa sắc không tâm, lìa tâm không sắc. Nếu chẳng được làm phân biệt sắc và không phân biệt sắc đây, cơ sao được làm phân biệt thức và không phân biệt thức ư? Nếu theo Viên giáo thì cũng được duy sắc, duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc, duy thức. Nếu hợp bản luận thì mỗi một pháp đều đủ pháp giới, các pháp đồng nên Bát-nhã đồng, nội chiếu đã đồng, ngoài hóa cũng đồng, tức là bốn tùy theo vật tình có khó dễ. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Tất cả pháp đều không,

sao lại phải dùng mười dụ? Đáp: Không, có hai thứ: Một là khó giải không, hai là dễ giải không. Mười dụ là dễ giải không”. Nay dùng dễ giải không dụ khó giải không. Ý Duy thức cũng như vậy, chỉ ước về Duy thức, đủ tất cả pháp môn, mà chúng sinh có hai thứ: Một, nhiều là đấm ngoại sắc. Hai, ít là đấm nội thức, như một cỗi trên nhiều đấm nội thức, hai cỗi dưới đấm ngoại sắc nhiều đấm nội thức ít. Như người học hỏi phần nhiều được hiểu bên ngoài. Nếu nói về luận Duy thức là pháp ngoại hưởng nội, khiến quán rõ ràng, pháp của pháp giới đều là một thức. Thức không mười pháp giới không, thức giải mười pháp giới giả, thức trung mười pháp giới trung, chuyển dùng nội tâm phá tất cả pháp. Nếu ngoài quán mười pháp giới tức thấy trong tâm. Phải biết hoặc sắc hoặc thức đều là Duy thức, hoặc thức hoặc sắc đều là duy sắc, nay tuy nói sắc tâm hai tên, kỳ thật chỉ là một niệm không rõ pháp tánh. Mười giới tức là chẳng thể nghĩ bàn, một tâm đầy đủ tất cả. Nhân duyên sinh ra một câu pháp, tức gọi là một niệm không rõ pháp tánh tâm. Nếu nói rộng bốn câu thành bài kệ, tức nhân duyên sinh ra tâm, tức không tức giả tức trung, nên trong kinh Bát-nhã nói: “Thọ trì một bài kệ bốn câu, cùng đồng mười phương hư không”. Kinh Pháp Hoa nói: “Nghe một bài kệ tụng cũng được dự ghi Bồ-đề, một câu cũng vậy, ba câu cũng như vậy”. Nay chỉ quán một tâm đầy tức chẳng thể nghĩ bàn, mười pháp giới luôn hiện hữu, vào pháp môn tâm địa, nên năng chẳng rời khỏi đạo tràng vắng lặng mà hiện thân khắp tám hội. Chỉ là một câu, trong một câu có vô lượng, trong vô lượng chỉ một câu, đó là chẳng nghĩ bàn vậy, như tâm chư Phật vậy, như Phật chúng sinh vậy, tâm Phật và chúng sinh cả ba không khác biệt. Giải thoát của chư Phật phải tìm cầu ngay trong tâm chúng sinh. Tâm chúng sinh cũng tìm cầu trong tâm của chư Phật giải thoát, mới là Bát-nhã rốt ráo đồng nhau, chưa rõ là tất cả pháp chánh, tất cả pháp tà chẳng dùng tâm phân biệt, tức tất cả pháp chánh, nếu dùng tâm phân biệt tức tất cả pháp tà. Tâm khởi tưởng tức si, không tưởng tức Niết-bàn. Chẳng nghĩ bàn đây chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, vuông tròn dài ngắn, không danh không tướng rốt ráo tịch diệt, chỉ ngay tâm biết, miệng chẳng thể nói. Nếu có nhân duyên phương tiện khéo léo dùng Tứ tất-đàn cũng có thể được nói. Vì chúng sinh trong vô lượng kiếp tự tánh tâm chẳng bị phiền não nhiễm nên mà nhiễm, khó thể rõ biết. Mê vọng gọi là nhiễm, nhiễm tức là che lấp tâm chẳng thấy tánh tịnh. Do đó ở lâu nơi sinh tử chẳng thể trở về lại cội nguồn. Nguồn thật khó hiểu. Hàng Nhị thừa còn chẳng nghe tên đó huống gì là phàm phu. Nay Phật vì làm tập nhân, như buộc châu ngọc nơi Phật Đại Thông đến

thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới thành quả hạt, khiến hạt giống đó ngấm lắng tích tập sau gặp ánh sáng và âm thanh mà nảy nở hạt giống đó, chuyển phàm vào Thánh, dần chứa công đức đầy đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo. Nếu không như vậy tức vô minh che khuất pháp tánh, ra năm ấm mười pháp giới, tích chứa mê lớp lớp, nếu năng siêu ngộ khởi năm ấm Nhị thừa cho đến Phật ấm. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Tâm như người thợ vẽ,  
Tạo các thứ năm ấm,  
Trong tất cả thế gian,  
Thấy đều do tâm tạo”.*

Các ấm chỉ là tâm làm nên vậy, quán tâm vô minh, rốt ráo không chỗ có mà năng sinh ra các ấm trong mười giới, đây tức là chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng kinh Pháp Hoa nói: “Một niệm tâm mộng, làm nhân được quả, trong một niệm ngủ, tâm vô minh cùng tánh pháp giới hợp khởi vô lượng phiền não, tâm phiền não đó tức được pháp tánh.

Hỏi: Biệt giáo Viên giáo đều làm thí dụ này, cố sao lại có sai khác?

Đáp: Biệt thì cách rời trải qua, Viên thì một niệm đầy đủ, như hạt cải bao hàm núi Tu-di nên nói là chẳng nghĩ bàn trong một mảy trần có Đại thiên quyển kinh, người trí vạch mở bụi trần ra kinh, là một niệm vô minh, có pháp phiền não có pháp trí tuệ. Phiền não là bụi trần ác bụi trần thiện bụi trần vô ký, mở ra pháp thân Bát-nhã giải thoát. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Tánh tướng như vậy đồng một cõi mười cõi trăm ngàn pháp giới rốt ráo đều đồng”. Nay quán tâm vô minh đây từ đâu mà sinh, là từ vô minh hay từ pháp tánh? Là cộng hay lia? Hoặc tự hoặc tha cả bốn đều chẳng được, gọi là môn giải thoát không. Chỉ quán tâm tánh là có là không là cộng là lia, hoặc thường hoặc đoạn, bốn đảo chẳng thể được, gọi là môn giải thoát vô tướng. Chỉ tâm tánh đây là chân là duyên là cộng là lia, chẳng phải bốn câu làm nên, gọi là môn giải thoát vô tác. Không sinh mà nói sinh, là tánh tướng mười pháp giới vậy. Tánh vô minh tức là thật tánh, cũng gọi vô minh tức là minh, minh cũng chẳng thể được, đó là vào pháp môn không hai, chỉ vì chúng sinh mê đảo, chẳng thấy không tâm của tâm, minh thành vô minh vậy. Lại nữa, trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Sau đó không lâu, vua lại mắc bệnh, thầy thuốc thăm bệnh vua, quyết định nên uống sữa”. Vua tức là Tám đảo là chúng sinh vậy. Sau đó bệnh là mới đầu đảo nếp phục, sau đảo khởi dậy nên nói là không lâu. Quyết định uống sữa là nên trao cho



thuật bốn tươi. Chánh là ý niệm xứ của nay đây vậy. Lại nữa, thí như có người đem trống độc đến trong chúng đông mà đánh, người gần chết, người xa chưa chết, sau đánh trống độc, gần xa đều chết, mới đầu xoa bốn khô, chỉ khô phần đoạn, nên nói chưa chết, nay xoa bốn tươi, rễ vô minh dứt, nên gần xa đều chết, cũng là ý Tứ niệm xứ nay vậy. Lại nói: Như chim ra khỏi lồng mới được lìa lưới, nay hai chim đều bay cao liệng xa gần, đi dừng tự tại, chánh là ý Tứ niệm xứ nay vậy. Lại nói: Mới đầu khô sinh tử, chẳng thể chiếu sáng Phật pháp, chẳng thể khai ngộ chúng sinh, ở nơi Phật pháp không có công phu, ở nơi chúng sinh không có lợi ích, nên nói khô hai cây, nay tròn đầy hiển bày Phật pháp, lợi ích cho chúng sinh. Phàm là có tâm đều sẽ làm Phật, tám ngàn Thanh văn được thấy Phật tánh, như mùa thu gom mùa đông tàn thành quả thật lớn, nên nói bốn tươi trang nghiêm hai cây. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Chẳng khiến ăn cận bả rượu lúa tẻ, chẳng cho ghé trâu chung đàn, chẳng ở nơi cao nguyên cũng chẳng ở nơi ẩm thấp. Nơi ẩm thấp là bốn đảo phàm phu vậy, nơi cao nguyên là bốn đảo cong lệch vậy. Cận bả rượu là ngu si, lúa tẻ là sân nhuế, ghé trâu là tham dục, chọn lựa nơi Trung nguyên mà an đặt con nó”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng”. Lại nữa, pháp của chư Phật lâu sau cần phải nói chân thật, chân thật là chẳng phải sinh tử chẳng phải Niết-bàn, không tà không lệch không nghiêng không đảo. Ôi! Bạc đại trượng phu, chỉ bày ngày xưa buộc châu ngọc. Ôi! Đi lại nơi báu ở gần, cho nên từ gốc đến vết cùng pháp thân quyền thuộc, ẩn thật dương quyền, tàng cao bày thấp, cùng giáo hóa chúng sinh mở bày chánh đạo, trong bí mật ngoài hiển hiện khiến được vào diệu, chánh là Tứ niệm xứ đây vậy. Nói Tứ (bốn), tức là số chẳng thể nghĩ bàn, một tức là vô lượng, vô lượng tức một, mỗi mỗi đều là pháp giới, ba đế đầy đủ, nhiếp tất cả pháp, ra ngoài pháp giới là không có pháp. Pháp giới không pháp giới, đầy đủ pháp giới, tuy không pháp đầy đủ các pháp, là số chẳng nghĩ bàn vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Một mảy trần đầy đủ tất cả mảy trần và tất cả pháp, ở một niệm đầy đủ tất cả niệm và tất cả pháp, mảy trần tức sắc, niệm tức là tâm. Sắc và tâm tức dị danh của niệm xứ”. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Tứ niệm xứ tức Ma-ha-diễn, Ma-ha-diễn tức tứ niệm xứ, là ở một niệm xứ cùng ba niệm xứ không hai không khác, tất cả pháp hướng đến Tứ niệm xứ là hướng đến chẳng lỗi quá, niệm xứ còn chẳng thể được, cố sao đáng có hướng đến và chẳng hướng đến? Đây cũng đồng với ý chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: “Quán tâm không tâm, pháp chẳng trú tâm, gọi là

Đại sám hối, quán tâm đã vậy, quán sắc cũng vậy”. Kinh ĐạiNiết-bàn nói: “Phật tánh là cũng một chẳng phải một chẳng phải một chẳng phải một”. Cũng một là tất cả chúng sinh đều là một thừa. Chẳng phải một là nói ba thừa, chẳng phải một chẳng phải một là số chẳng phải số chẳng quyết định, cho nên phải biết đối với bốn số chẳng thể quyết định, tức là bốn (tứ) của chẳng nghĩ bàn vậy. Cho đến nếu chẳng nương tựa Tứ niệm xứ trong Tông Kính mà hành đạo, giả sử có trí giải tu hành, đều thành ngoại đạo. Do đó nói: Nếu không niệm tuệ, tất cả hành pháp, đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải người hành đạo, đều luống cạo đầu, như kẻ chần dốt, luống mặc nhiệm y như phượng đầu cây, tuy cầm bưng bình bát tích trượng nhưng như người bệnh đi xin vật dụng, tuy đọc kinh sách, như người mù đọc chú, tuy là lễ bái mà như chà lên xuống. Tuy lại khởi làm môi giới, tự khoe, giả bộ ngoài mặt khách làm, trồng cây đổi chác, chìm đắm sinh tử, tầm kén tự buộc, không kỳ hạn giải thoát, xả bỏ thân mạng của cải chỉ được danh thí, chẳng phải Ba-la-mật, tuy là trì giới chẳng khởi chó gà, tuy là tinh tấn, tinh tấn không đẹp đẽ, tuy là tọa thiền mà như gốc cây, tuy là hiểu biết mà trí tuệ cuồng điên, thường ở bờ này chẳng đến bờ kia, chẳng dẹp trừ ái kiến chẳng phá dứt thủ tướng, chẳng được vào Đạo phẩm, chẳng phải ngôi vị Thánh hiền, chẳng thành cây bốn khô, chẳng phải Ba-la-mật. Tại sao? Vì không niệm tuệ vậy. Vì niệm tuệ năng phá tà hiển chánh. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Sữa thuốc thầy cũ kỳ thật là độc, như sâu trùng gặm ăn cây chột nhiên thành chữ vậy. Sâu trùng đó không biết là chữ chẳng phải chữ. Lại có thầy thuốc mới từ phương xa đến hiểu tám thứ thuật, nghĩa là bốn khô bốn tươi, dùng bốn khô mới phá sữa cũ đó. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Lửa lớn từ bốn phía bốc cháy” tức là ý đây vậy, là dùng tám thứ dị thuật phá đường mê tám đảo, diệu môn nhất tâm vào chủng trí của Nhất thừa.

Hỏi: Pháp tánh bình đẳng diệu tâm Nhất thừa này, tất cả chúng sinh Thanh văn Duyên giác Bồ-tát chư Phật thấy đều cùng vãng nhận. Cớ sao các loài Dị sinh v.v... một linh tánh đây niệm niệm ở luân hồi. Đối với Thanh văn thừa đồng chung trong một pháp mà chẳng được việc đây?

Đáp: Như vàng trong hoàng thạch dùng lò lửa phước đức, nhân duyên thành tựu, nếu người phước lớn được vàng, người phước trung bình được bạc, người phước kém được đồng. Đây cũng như vậy, người phàm phu chỉ được phiền não vô minh, người Thanh văn chỉ chứng vô thường sinh diệt, chỉ Phật Bồ-tát mới rốt ráo Niết-bàn thường lạc. Như

trong kinh Đại Tập nói: “Như vật đựng đốt đèn, vàng thật thì ánh sáng sắc vàng, đồng thì ánh sáng sắc đỏ, màu sắc đó tuy khác nhưng đèn không riêng biệt. Pháp giới cũng vậy, chư Phật cũng vậy. Trí Quang vô biên, Thanh văn cũng vậy, Trí Quang hữu biên mà tánh pháp giới thật không sai biệt. Vả lại, một pháp vi diệu u huyền của tâm, thấy có cạn sâu, trí phân hơn kém, phải nhờ học nhiều để đến nguồn pháp. Kinh Pháp Hoa nói: “Người chẳng tập học, tức không thể hiểu rõ đây”. Ngoại Thư nói: “Ngọc không mài không thành vật dụng, người không học không biết đạo”. Chỉ kiên trì chí tiết, thường nghe điều chưa nghe, huân tu mà sức quán chuyển sâu, giữa mài mà hạnh môn càng sạch, thường khởi ý tưởng khó gặp, đạo nghiệp luôn mới, mãi ôm lòng mừng may trọn không thối chuyển. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát suốt ngày đêm chỉ nguyện nghe pháp vui pháp mừng pháp, nương tựa pháp, tùy theo pháp giải hiểu pháp thuận pháp đến pháp trú pháp hành pháp. Bồ-tát cần cầu Phật pháp như vậy, nếu có của cải vật báu đều không luyến tiếc, chẳng thấy có vật khó được đáng trọng, chỉ đối với người năng nói Phật pháp mà sinh tưởng khó gặp. Cho nên Bồ-tát đối với nội tài ngoại tài, vì cầu Phật pháp mà thấy đều xả thí, không có cung kính rào mà chẳng thể hành, không có kiêu mạn nào mà chẳng thể bỏ, không có thừa sự nào mà chẳng thể làm, không có cần khổ nào mà không thể nhận. Nếu nghe một câu là pháp chưa từng nghe thì sinh tâm rất mừng vui hơn cả có được trân báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu nghe một bài kệ chánh pháp chưa từng nghe thì sáng tác rất vui mừng hơn được quả vị Chuyển luân vương. Nếu được nghe một bài kệ là pháp chưa từng nghe mà có khả năng làm sạch hạnh Bồ-tát là hơn được địa vị Đế- thích Phạm vương trú trong vô lượng trăm ngàn kiếp, nếu có người nói: “Ta có một câu là pháp của Phật dạy có khả năng làm sạch hạnh Bồ-tát. Nay ngươi nếu có thể vào hầm lửa lớn nhận chịu cực khổ thì sẽ nói lại cho”. Khi ấy Bồ-tát tự tư duy rằng: “Ta vì một câu là pháp chư Phật nói làm sạch hạnh Bồ-tát, giả sử lửa dữ đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, còn muốn theo lên trên của Phạm thiên ném thân mình xuống để thân gần thọ nhận lấy, hưởng gì hầm lửa nhỏ mà chẳng thể vào, nhưng nay ta vì cầu Phật pháp, nên nhận chịu các thứ khổ địa ngục, hưởng gì các khổ nhỏ trong người”. Bồ-tát phát chuyên cần tinh tấn mong cầu Phật pháp như vậy, như điều được nghe quán sát tu hành. Bồ-tát đó được nghe rồi, gồm tâm an trú ở nơi không nhàn, phát khởi tư duy như pháp tu hành mới được Phật pháp. Chẳng phải chỉ miệng nói mà có thể thanh tịnh. Lại nữa, trong phẩm Phổ Hiền

Hạnh Nguyên có kệ tụng nói:

*“Biển trí rộng khó lường,  
Chẳng đo lại phỉ báng,  
Trâu uống nước thành sữa,  
Rắn uống nước thành độc.  
Trí học thành Bồ-đề,  
Ngu học làm sinh tử,  
Chẳng rõ biết như vậy,  
Đó bởi lỗi thiếu học.”*

Trong kinh Đại Niết-bàn có kệ tụng nói:

*“Hoặc có uống cam lồ,  
Tổn mạng mà chết non,  
Hoặc có uống cam lồ,  
Thọ mạng được lâu dài,  
Hoặc có uống độc sống,  
Có duyên uống độc chết,  
Trí cam lồ vô ngại,  
Gọi là pháp Đại thừa,  
Pháp Đại thừa như vậy,  
Cũng gọi thuốc tạo độc,  
Cũng như tô đề hồ,  
Và cả các đường phèn  
Uống tiêu thì là thuốc,  
Chẳng tiêu thì là độc,  
Phương Đẳng cũng như vậy,  
Người trí là cam lồ,  
Ngu chẳng biết Phật trí,  
Uống đó thì thành độc.”*

Lại như lửa trong tánh gỗ, tánh tô trong tánh sữa, duyên nếu chưa đầy đủ, có cũng đồng như không. Tánh Phật và chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng học chẳng biết, chẳng phải không thành Phật. Như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: Bồ-tát Địa Tạng nói: “Tôn giả! Biết có chẳng phải thật, như nước dương diệm, biết thật chẳng phải không như tánh lửa sinh. Quán xét như vậy là người trí ư?” Thích luận nói: “Như kinh nói: Nếu nói pháp có một như lửa nước mê đảo, nếu thấy ở pháp không, như mùa không mặt nhật đảo, nên biết thật chẳng phải không, nghĩa của chẳng phải không như tánh lửa sinh”, nghĩa là như trong cây gỗ có tánh lửa, bỏ chẻ tìm cầu đó không được tướng lửa mà thật chẳng

phải không. Tánh lửa trong cây gỗ, dùi đẩy mà tìm cầu đó, lửa hẩn hiện ra, nhất tâm cũng vậy, bỏ chẻ các tướng chẳng được tánh tâm, mà thật chẳng phải không, tâm trong các pháp, tu đạo tầm cầu đó, nhất tâm hiển hiện ra. Vì vậy, trong hàm thức giới từ vô thủy lại, bên trong bị năm ấm trói buộc, bên ngoài bị sáu trần cùm xích, chạm đường hiện cảnh, ghé mắt sinh tình, như khi vượn mà năm xứ đều dính, tợ trùng Thái mặt mà các trần đều ghé, do đó thấy chẳng vượt nơi sắc giới, nghe chẳng khỏi nơi thanh trần, như cá gieo vào lưới, như chim thả vào lồng, tiến lùi đều trở ngại, như dê đực chạm rào kinh sợ đều đến, tợ màn tổ của Khổng yển. Nếu hay biết trần là thức, rõ vật duy tâm, chẳng bị vòng móc bủa bắt, đâu khiến lớn nhỏ lay chuyển, tức năng tùy duyên ứng vết, đến cảm theo nó, chẳng động đạo tràng phân thân khắp pháp giới, thường tại đây mà luôn tại kia, chẳng ở phương mà chẳng lìa phương, vào tông môn đây rộng lớn như vậy, hiểu vết sai biệt, suốt nguồn bình đẳng, như núi Kim Cang thuần hiện ánh sáng vàng thật, tợ sư tử chúa các sư tử vây quanh, như trong núi Ma-lê sinh ra Chiên-đàn, như trong rừng Chiêm-bặc chỉ nghe mùi hương, so với mặt phía nam núi Tu-di đẹp xinh hiện tạp hình, như sông lớn cát vàng không trở lại cong co. Đồng sức búa của Kim Cang, muốn bắt chước đều không, bằng ánh sáng mặt nhật không ngăn che, nơi soi chiếu đều sáng. Như trong phẩm Nhập Pháp Giới nói về cảnh giới hiển hiện trong rừng Thệ-đa, có kệ tụng nói: “Ông nên quán rừng Thệ-đa đây, do oai thần Phật lớn không ngăn, tất cả trang nghiêm đều thị hiện, mười phương pháp giới đều sung mãn, mười phương cúng dường các cõi nước, vô biên phẩm loại đại trang nghiêm, nơi tòa đó đồng trong cảnh giới, sắc tướng rõ ràng đều hiển hiện”. Lại như Đồng nữ từ hạnh trong điện Tỳ-lô-giá-na tạng, trong mỗi mỗi vách tường, trong mỗi mỗi cột trụ, trong mỗi mỗi gương soi, trong mỗi mỗi tượng, trong mỗi mỗi bình, trong mỗi mỗi ma-ni bảo, trong mỗi mỗi dụng cụ trang nghiêm, trong mỗi mỗi linh vàng, trong mỗi mỗi cây báu, trong mỗi mỗi hình tượng báu, trong mỗi mỗi anh lạc báu, thấy đều thấy pháp giới tất cả Như Lai, từ lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát, thành mãn Đại nguyện đầy đủ công đức, thành Đẳng chánh giác chuyển diệu pháp luân, cho đến thị hiện vào nơi Niết-bàn, ảnh tượng như thế không gì chẳng đều hiện, như trong nước sạch thấy khắp hư không, nhật nguyệt muôn sao có đủ các tướng. Lại như trong vườn nhà Trưởng giả Pháp Bảo Kế được pháp môn giải thoát vô lượng phước đức Bảo tạng của Bồ-tát. Nhà đó rộng lớn mười tầng tám cửa, Đồng tử Thiện Tài vào rồi lần lượt quán sát, thấy tầng thấp nhất bày các thức ăn uống, thấy tầng

thứ hai bày các y phục quý báu, thấy tầng thứ ba bố thí tất cả các thứ dụng cụ quý báu trang nghiêm cho đến thấy tầng thứ mười, tất cả Như Lai đông nhiều trong đó. Từ mới phát tâm tu hành Bồ-tát, vượt ra sinh tử thành mãn đại nguyện và sức thần thông, làm sạch cõi Phật, đạo tràng chúng hội, chuyển chánh pháp luân, điều phục chúng sinh, tất cả như vậy, đều khiến thấy rõ. Giải thích: Không ngăn mé của rừng Thệ-đa, hiển hiện của Lô-giá-na, rộng lớn của vườn nhà bảo kế, đều là tâm của chẳng thể nghĩ bàn, dung nhiếp vô ngại. Mười tầng tức là mười Ba-la-mật, tám cửa tức tám chánh đạo phần, cho đến trong tất cả dụng cụ trang nghiêm thị hiện Phật sự đều là pháp môn nhất tâm, thể dụng khắp cùng lớp lớp hiển bày đạo mỗi mỗi nêu đề tông, vì mờ tối đó, chẳng tỏ ngộ nên chẳng rõ, vì chấp chặt đó làm duyên làm đối, như nên chẳng thấy, chẳng phải vâng tợ không năm sắc, tợ điếc không nghe, đâu phải vang hưởng tuyệt năm ấm. Lại như nếu Thanh văn trong rừng Thệ-đa không biết, ngạ quỷ trong sông hằng chẳng thấy, đều là do tự nghiệp chướng ngăn, chẳng phải pháp ẩn tàng. Nay khuyên người chưa tỉnh xem nghe thẳng vào, như trong hàng cốc nghe vang vọng trọn không khác âm thanh, tợ trong gương thấy hình, lại chẳng phải chất khác, rõ ràng có thể nghiệm tự dứt tuyệt tư lương, hiện chứng không nghi ngờ. Lại ai trước sau có thể gọi là Thánh xa vời ư? Thể đó tức thân, đạo xa vời ư? Gặp việc mà chân thật vậy.

Hỏi: Đã dùng chân tâm làm tông làm bản, cố sao biện luận công năng đó trong lắng thường trú suốt ngăn mé tương lai?

Đáp: Vì tâm pháp này diệu, như Thần chẳng thể lường, không nương tựa không trú, chẳng phải xưa chẳng phải nay chỉ là có mà chẳng thể thấy nghe, chẳng phải là một hưởng không tịch, chứa diệu dụng vô tận, chẳng đoạn chẳng thường, đầy đủ linh thông chẳng thể lường, chẳng phải ẩn chẳng phải hiển. Các bậc Cổ đức nói: “Nhân tuy Niết-bàn vĩnh viễn vắng lặng mà trí tuệ chẳng không”. Nếu không như vậy thì lấy gì để tận cùng ngăn mé tương lai? Nên biết tâm thần đây là gốc của phàm thánh, tận cùng ngăn mé tương lai không có đoạn tuyệt, chư Phật thường chánh niệm pháp này. Tổ sư chỉ chỉ đích xác tông này. Đây là chân thật của vô tướng, chân sao có tận? Đạo của vô vi, đạo sao có cùng? Như gió trong hang cốc sâu tối tương tục mà âm vang nhỏ chẳng dứt. Như tiếng vang của chuông lớn tùy đánh gõ mà vận trong thường sinh. Trong luận Bảo Tạng nói: “Chỉ đạo không căn (rễ), linh chiếu thường còn, chỉ đạo không thể, vì diệu luôn chân, chỉ đạo không sự xưa nay đồng quý, chỉ đạo không tâm, muôn vật tròn đầy”. Giải thích: phàm, có căn thì có trú,

trú tức vào trong phòng nhà tốt, như xuyên châm chẳng thấy trời, nhặt kim chẳng thấy đất, không căn thì không trú, như ánh sáng nhật nguyệt soi chiếu thấy các thứ sắc là linh chiếu thường còn vậy. Phàm có thể là sai biệt chất ngại, không thể thì một tánh thường thông, là vi diệu luôn chân vậy. Phàm có sự thì bị tướng hạn cục, không sự thì tâm địa thần nhiên, là xưa nay đồng quý vậy. Phàm có tâm thì phân biệt các thủ, không tâm thì nghịch thuận đồng kết quy, là muôn vật tròn đầy vậy. Đã đạt tông thể thường trú đây, tự nhiên suốt cùng ngần mé tương lai chẳng dừng nghỉ nghiệp Phật. Tức là Phật Đức Phổ Hiền thuần là lợi tha, hạnh của không thủy không chung không tận. Do đó trong luận Bảo tánh nói về có tự nhiên chẳng ngưng nghỉ nghiệp Phật với kệ tụng rằng: “Thể Phật như gương tượng, như đất lưu ly kia, lại chẳng phải có tiếng, như trống diệu pháp trời, đều làm nên pháp sự, như mưa mây lớn kia, thủy đều làm lợi ích, mà đất thủy đều sinh, tất cả hạt giống. Như Phạm thiên chẳng động, mà đều là thuần thực, như vàng mặt nhật lớn kia, phá tất cả các tối, như báu như ý kia, thủy đều là hiếm có, còn như âm vang kia, đều do nhân duyên thành, tựa như hư không kia, vì tất cả chúng sinh mà làm nơi nương tựa, giống như đại địa kia, mà gìn giữ tất cả. Hết thủy các thứ vật, do nương nơi đại địa, mang đội các thế gian. Hết thủy các thứ vật, nương tựa Bồ-đề Phật, Diệu pháp xuất thế gian, thành tựu các nghiệp lành, bốn vô lượng các thiện, và cả bốn không định, các Như Lai tự nhiên, thường trú các thế gian, có các nghiệp như vậy, tất cả chẳng trước sau, làm diệu nghiệp như vậy”. Vô Sinh Nghĩa nói rằng: “Nếu không có thần diệu chỉ một hướng không lạng, thì chẳng nên có Phật xuất hiện nơi đời nói pháp độ người, nên biết bản địa có thần diệu chẳng không chẳng đoạn”. Cho đến Sư Tử Hống nói: “Phật tánh, gọi là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ, trí tuệ tức là thần diệu. Nên nói nhân diệt là sắc được sắc của giải thoát thường trú, nên biết như giữa bao gồm có diệu sắc, năm ấm thường trú chẳng động. Trong thiên (chương) Thần Bất Diệt nói: “Phàm, Thần là thế nào ư? Là tinh cực mà linh ấy vậy. Tinh cực là chẳng phải chỗ mưu đồ của phong tượng, nên Thánh nhân dùng diệu vật mà làm lời nói. Tuy có Thượng trí còn chẳng thể định. Thể trạng ấy đạt cùng sâu mầu. Thần ấy là viên ứng không chủ, diệu tận không tên, cảm vật mà động, mượn số mà hành, cảm vật mà chẳng phải vật, nên vật hóa mà chẳng diệt, mượn số mà chẳng phải số, nên số tận mà chẳng cùng, có tình thì có thể dùng vật cảm. Có thức thì có thể dùng số cầu. Số có tinh thô nên tánh nó mỗi riêng khác, trí có tối sáng nên chiếu đó chẳng đồng. Suy đó mà luận thì biết hóa dùng tình cảm,

thần dùng hóa truyền. Tinh làm mẹ của hóa, thần làm căn của tinh. Tinh có đạo của hội vật, thần có công ngâm đời. Chỉ ngộ triết là trở lại gốc, cảm lý là đuổi theo vật, cho đến hoặc tụ tan ở một hóa, chẳng tư duy Thần đạo có linh của diệu vật mà cho rằng tinh thô đồng hết, cũng chẳng buồn thương thay? Như lửa truyền nơi củi, giống Thần truyền ở hình, mê hoặc sâu là thấy hình khô mục ở một đời, bèn cho là thần tình đều mất, như thấy lửa tàn nơi một cây gỗ mà cho là tròn đều hết vậy. Nên biết duyên rơi rụng hình khô, chân linh chẳng đọa rớt, như củi hết lửa tàn mà tánh lửa thường vậy. Duyên đây tuy diệt ở đời này, duyên kia lại đầy ở đời khác. Nên trong Bát-nhã Ngâm nói: “Trăm cốt tuy tan hết, một vật trấn linh hoài”. Có thể gọi là chân tâm trong lắng thường trú vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả huyễn tâm, pháp sở duyên vô lượng vậy. Phật tử! Như châu như ý tùy có chỗ cầu tất cả đều được cầu là vô tận ý đều đầy đủ, mà thế lực của châu trọn chẳng thiếu ngưng. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, vào Tam-muội này biết tâm như huyễn sinh ra tất cả các pháp cảnh giới khắp cùng vô tận chẳng thiếu chẳng ngưng. Tại sao? Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu Phổ Hiền vô ngại hạnh trí, quán sát vô lượng cảnh huyễn rộng lớn, giống như ảnh tượng không tăng giảm vậy. Phật tử! Thí như phàm phu mỗi riêng biệt sinh tâm, đã sinh hiện sinh và sẽ sinh không có ngăn mé, không đoạn không tận, tâm đó lưu chuyển tương tục chẳng tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, vào môn Tam-muội Phổ Hiền đây không có ngăn mé, chẳng thể đo lường. Tại sao? Vì thấu đạt môn Phổ Hiền và vô lượng pháp của Bồ-tát Phổ Hiền vậy. Phật tử! Thí như Nan-đà Ma-na-tư Long vương và các rồng lớn khác lúc mưa từng giọt như trực xe, không có ngăn mé, tuy mưa như vậy mà mây trọn chẳng hết, đó là các rồng không làm cảnh giới”. Lại nói: “Ở trong một niệm, biết hết tất cả ẩn tàng cảnh giới của tâm và chẳng phải tâm địa, ở nơi chẳng phải tâm bày hiện sinh nơi tâm, xa lìa ngôn ngữ, an trú trí tuệ, đồng hạnh của các Bồ-tát tu hành. Dùng sức tự tại hiện bày thành Phật đạo suốt cùng ngăn mé tương lai thường không ngưng nghỉ. Tất cả kiếp số chúng sinh thế gian, nơi dựng lập của vọng tưởng ngôn thuyết, thần thông nguyện lực thủy đều hiện bày”. Giải thích: Biết hết tất cả ẩn tàng cảnh giới của tâm và chẳng phải tâm địa là: Thực hành ở cảnh gọi đó là tâm, trí hành ở cảnh, gọi đó là chẳng phải tâm. Nên trong kinh Lăng-già nói: “Được tướng là thức, chẳng được tướng là trí”. Nên biết Bồ-tát thuận theo vọng duyên chẳng bỏ thế pháp, ở trong phương tiện đều hay hiện bày, tuy kiếp tăng giảm mà mặc cho duyên ngắn dài, cười gió đạ



nguyện tương tục chẳng đoạn, cúng Phật lợi sinh không có ngưng nghỉ. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: “Mười một Địa Đẳng giác Bồ-tát dùng tâm đại từ bi, hành môn đến Lục độ sinh, bày đạo tự xuất thế đầy đủ, không còn tâm cầu giải thoát lìa nhiễm lìa tịnh, chỉ dùng cưỡi thuyền pháp tánh, căng buồm đại từ bi, dùng đại trí làm thuyền sư, thuận gió bản nghiệp, thổi các lưới Ba-la-mật, thường dạo nơi biển sinh tử vượt tất cả các chúng sinh có đăm dím an đặt nơi bờ trí không nương tựa Phổ Quang Minh, trú nơi Bảo đường vạn hạnh công đức pháp giới vô ngại như dưới lầu các nơi Bồ-tát Từ Thị đang ở vậy.